

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TÒA PHÚC THẨM
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 529/2026/HC-PT

Ngày: 11 - 5 - 2026

V/v Khiếu kiện quyết định hành chính,
quyết định giải quyết khiếu nại trong lĩnh
vực xử phạt vi phạm hành chính.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Nhựt Bình

Các Thẩm phán: Ông Hoàng Thanh Dũng

Ông Phan Tô Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Phú Cường - Thư ký Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Đăng Ry - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 490/2025/TLPT-HC ngày 19 tháng 12 năm 2025 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính, quyết định giải quyết khiếu nại trong lĩnh vực xử phạt vi phạm hành chính”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 543/2025/HC-ST ngày 09 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 442/2026/QĐPT-HC ngày 21 tháng 4 năm 2026, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Công ty TNHH Một thành viên M1

Địa chỉ: khu phố G, phường U, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh).

Địa chỉ liên hệ: Hồ bơi Minh Thư, khu phố U, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Hoài Phương M – chức vụ: Giám đốc (vắng mặt)

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Huy T, sinh năm 1972 (có mặt)

Địa chỉ: Tô A, khu phố U, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh

- Người bị kiện:

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B.

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng: Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H (vắng mặt)

2. Bộ trưởng Bộ T6 (nay là Bộ T6) (vắng mặt);

Địa chỉ: Số A T, quận C, Thành phố Hà Nội;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Trần Bá B – Cục Đ2 (có mặt)

Địa chỉ: số F P, phường C, thành phố Hà Nội

- *Người kháng cáo:* Người khởi kiện là Công ty TNHH Một thành viên M1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 14/01/2025 và quá trình tố tụng người khởi kiện Công ty TNHH Một thành viên M1 trình bày:

Công ty TNHH MTV M1 (sau đây viết tắt là Công ty M1) có lưu trữ một khối lượng đất (loại đất sử dụng để san lấp) tại thửa đất số 202, tờ bản đồ số 44, thuộc tổ C, khu phố E, phường U, thị xã T của ông Đỗ Hoài Phương M. Phần đất này có nguồn gốc của Công ty M1 mua về để bán nhưng do dịch bệnh bị ế, tồn đọng không bán được nên phải tạm thời vận chuyển về.

Do thửa đất của ông Đỗ Hoài Phương M nằm tiếp giáp với thửa đất số 213 tờ bản đồ số 08 ấp X, xã T, huyện B nhưng do ranh giới đã bị sai lệch nên có thể xảy ra trường hợp Công ty M1 đã đổ nhầm lẫn, chồng lấn lên một phần của thửa đất số 213 tờ bản đồ số 08 ấp X.

Buổi chiều ngày 02/12/2020, Công ty M1 tiến hành cho công nhân sử dụng xe ben, xe cần cẩu thi công vận chuyển đất (loại đất sử dụng để san lấp cho những nơi trống) đi nơi khác. Khối lượng đất này không phải là đất nguyên khai, nguyên thủy tại đây mà là đất được Công ty M1 mua, vận chuyển từ nơi khác đến để tạm thời ở đây và có đầy đủ hóa đơn chứng từ mua bán kèm theo.

Vào lúc 14 giờ 30 phút ngày 02/12/2020, khi các công nhân của Công ty M1 đang vận chuyển đất đi thì bị 03 cán bộ Công an huyện B là Trần Quan T1, Nguyễn Duy T2, Lê Xuân H ngăn cản.

Theo đó, các cán bộ này tiến hành công bố Quyết định số 168/QĐ-KTĐĐ ngày 02/12/2020 của Trưởng Công an huyện B về Kiểm tra địa điểm có liên quan đến tội phạm, vi phạm hành chính về môi trường cho Công ty M1 và yêu cầu Công ty M1 chấp hành Quyết định số 168/QĐ-KTĐĐ. Cùng ngày, Công ty M1 đã bị Công an huyện tạm giữ phương tiện.

Tính từ ngày kiểm tra (ngày 02/12/2020) đến ngày 19/01/2021 (sau 47

ngày), Công an huyện B ban hành Kết luận kiểm tra địa điểm có liên quan đến tội phạm, vi phạm hành chính về Môi trường số 01/KLKT, theo đó cho rằng Công ty M1 có hành vi “khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường không sử dụng vật liệu nổ công nghiệp mà không có giấy phép khai thác khoáng sản”.

Căn cứ Kết luận kiểm tra địa điểm có liên quan đến tội phạm, vi phạm hành chính về Môi trường số 01/KLKT, Công an huyện B lập Biên bản vi phạm hành chính số 02/BB-VPHC ngày 25/01/2021, theo đó cho rằng Công ty M1 có hành vi “khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường không sử dụng vật liệu nổ công nghiệp mà không có giấy phép khai thác khoáng sản”.

Căn cứ Biên bản vi phạm hành chính số 02/BB-VPHC ngày 25/01/2021, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B ban hành Quyết định số 477/QĐ-XPVPHC ngày 18/02/2021 xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khoáng sản đối với Công ty M1, theo đó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B cho rằng Công ty M1 có hành vi: khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường không sử dụng vật liệu nổ công nghiệp mà không có giấy phép khai thác khoáng sản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền” vi phạm điểm e khoản 1 Điều 47 Nghị định số 36/2020/NĐ-CP ngày 24/03/2020 của Chính phủ.

1. Các vi phạm pháp luật của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B.

1. Vi phạm khi ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 477/QĐ-XPVPHC ngày 18/02/2021.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B đã căn cứ vào Kết luận kiểm tra địa điểm có liên quan đến tội phạm, vi phạm hành chính về Môi trường số 01/KLKT ngày 19/01/2021 hoàn toàn trái pháp luật để ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 477/QĐ-XPVPHC ngày 18/02/2021.

Khi ra Kết luận kiểm tra địa điểm có liên quan đến tội phạm, vi phạm hành chính về Môi trường số 01/KLKT ngày 19/01/2021, Cơ quan Công an huyện B đã có hàng loạt các vi phạm nghiêm trọng. Cụ thể:

- Thứ nhất: Về địa điểm và đối tượng bị kiểm tra theo Quyết định số 168/QĐ-KTĐĐ.

Quyết định số 168/QĐ-KTĐĐ ngày 02/12/2020 hoàn toàn không liên quan và Công ty M1 không có nghĩa vụ phải chấp hành quyết định này. Cụ thể theo nội dung của Quyết định số 168/QĐ-KTĐĐ là:

Theo Khoản 2 Điều 2 thì tổ chức được kiểm tra là: “Công ty TNHH T7” mà không phải là Công ty M1

Theo Khoản 3 Điều 2 địa điểm kiểm tra là: “tại khu vực Cụm C thuộc ấp X xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương”.

Theo Khoản 1 Điều 5 của Quyết định thì tổ chức phải chấp hành là “Công ty TNHH T7”. Công ty M1 không có nghĩa vụ chấp hành Quyết định này.

Như vậy, theo nội dung của Quyết định số 168/QĐ-KTĐĐ ngày

02/12/2020 của Trưởng Công an huyện thì Công ty không phải là đối tượng phải chấp hành quyết định cả về địa điểm lẫn đối tượng bị kiểm tra.

Trong quá trình làm việc, đại diện theo pháp luật của Công ty M1 đã nói rõ các nội dung trên. Tuy nhiên, cả 03 cán bộ là Trần Quan T1, Nguyễn Duy T2, Lê Xuân H vẫn ngăn cản và không đưa ra bất cứ lời giải thích nào cho Công ty M1 biết. Một điều kỳ lạ nữa là khi đại diện theo pháp luật của Công ty M1 yêu cầu Tổ Kiểm tra xác định ranh giới, mốc giới trên thực địa của “cụm C” như thế nào để xác định phạm vi kiểm tra theo Quyết định số 168/QĐ-KTĐĐ thì Tổ Kiểm tra cũng không biết phạm vi của “cụm C” là từ đâu đến đâu?.

- Thứ 2: C, nguy hiểm về thành phần kiểm tra

Tại Quyết định kiểm tra số 168/QĐ-KTĐĐ của Trưởng Công an thì thành phần kiểm tra gồm Tổ Kiểm tra (gồm 3 người của Công an huyện là Trần Quan T1, Nguyễn Duy T2 Tân, Lê Xuân H) và chỉ có 02 đơn vị phối hợp là: Công an xã T và Phòng T8.

Chỉ những thành phần quy định theo Nghị định số 105/2015/NĐ-CP, Thông tư số 80/2019/TT-BCA ngày 27/12/2019 của Bộ C1 mới có thẩm quyền kiểm tra.

Tuy nhiên, điều bất thường là Công an huyện đã coi việc Kiểm tra như ngồi bàn nhậu theo kiểu “càng đông - càng vui”. Chính vì vậy, tại Kết luận kiểm tra số 01/KLKT của Công an huyện đã nêu thêm hàng loạt các cơ quan phối hợp khác không có trong quy định, không có trong Quyết định kiểm tra số 168/QĐ-KTĐĐ trong khi các thành phần này thì Công ty không hề được biết, được giới thiệu và làm việc như: Phòng T8 Công an tỉnh, Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện và Ủy ban nhân dân xã T nhằm mục đích hợp thức hóa hồ sơ để che đậy cho sai phạm của mình.

- Thứ 3: C khi cho rằng: “có mời đại diện Công ty M1 lên làm việc”.

Theo phạm vi, thời hạn của Quyết định số 168/QĐ-KTĐĐ ngày 02/12/2020 thì thời hạn kiểm tra chỉ có 07 ngày (từ ngày 02/12/2020 đến ngày 09/12/2020) và việc kiểm tra không có Quyết định gia hạn. Tuy nhiên, việc kiểm tra đã kéo dài tới

Trong thời hạn 07 ngày kiểm tra theo Quyết định nêu trên, C2 có bất kỳ một T3 mời hay thông báo làm việc nào với đại diện theo pháp luật của Công ty M1 nhưng tại Kết luận kiểm tra số 01/KLKT của Công an huyện, Tổ Kiểm tra đã trắng trợn cho rằng: “có mời đại diện Công ty M1 lên làm việc”. Tổ Kiểm tra không có chứng cứ nào chứng minh cho việc mời này.

- Thứ 4: Công an huyện vi phạm nghiêm trọng về trình tự thủ tục kiểm tra.

Theo Quyết định số 168/QĐ-KTĐĐ ngày 02/12/2020 thì thời hạn kiểm tra chỉ có 07 ngày (từ ngày 02/12/2020 đến ngày 09/12/2020) và việc kiểm tra không có Quyết định gia hạn theo Nghị định số 105/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 quy định chi tiết một số Điều của Pháp lệnh cảnh sát Môi trường. Tuy nhiên thực tế

việc kiểm tra đã kéo dài tới 47 ngày.

Theo điểm a khoản 1 Điều 11 Nghị định số 105/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 quy định chi tiết một số Điều của Pháp lệnh cảnh sát Môi trường, khoản 2 Điều 7 Thông tư số 80/2019/TT-BCA ngày 27/12/2019 của Bộ C1 thì việc kiểm tra, thu giữ vật chứng, mẫu vật phải lập biên bản, niêm phong có chữ ký của đại diện Công ty M1 (trừ trường hợp Công ty M1 cố tình vắng mặt hoặc từ chối ký biên bản). Biên bản phải được lập thành 02 bản và giao cho Công ty A bản.

Tuy nhiên trong thời hạn kiểm tra (kể từ 14 giờ 30 phút ngày 02/12/2020 đến hết ngày 09/12/2020), Công ty chỉ được ký duy nhất 01 Biên bản công bố Quyết định của Công an huyện vào lúc 14 giờ 30 phút ngày 02/12/2020 và ngay chính Biên bản này Công ty cũng không được Tổ Kiểm tra giao cho Công ty mà chỉ được sử dụng điện thoại để chụp hình lại.

Ngày trong thời gian làm việc buổi chiều ngày 02/12/2020 (từ 14 giờ 30 đến hết 17 giờ) đại diện Công ty có mặt và yêu cầu Tổ Kiểm tra lập Biên bản kiểm tra nhưng ngoài Biên bản công bố Quyết định thì Tổ Kiểm tra cũng không lập bất kỳ một Biên bản nào với Công ty.

Từ ngày 03/12/2020 đến hết hạn kiểm tra (ngày 09/12/2020) Công ty không được mời và không có bất kỳ một Biên bản làm việc nào với Tổ Kiểm tra theo Quyết định trên.

Như vậy, tất cả các Biên bản kiểm tra, Biên bản thu giữ mẫu vật để giám định, Biên bản thu giữ phương tiện của Công an huyện mà không có chữ ký của đại diện Công ty M1 theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 11 Nghị định số 105/2015/NĐ-CP khoản 2 Điều 7 Thông tư số 80/2019/TT-BCA đều không có giá trị pháp lý.

Vì vậy không loại trừ xảy ra trường hợp Tổ Kiểm tra đã cố ý đánh tráo mẫu đưa đi giám định để vu khống cho Công ty M1.

Thứ 5: C3 quy chụp việc “vận chuyển” đất san lấp thành hành vi “khai thác khoáng sản”.

Theo Khoản 7 Điều 2 Luật Khoáng sản quy định: “Khai thác khoáng sản là hoạt động nhằm thu hồi khoáng sản, bao gồm xây dựng cơ bản mỏ, khai đào, phân loại, làm giàu và các hoạt động khác có liên quan.

Như vậy chỉ những hoạt động thu hồi khoáng sản tại mỏ mới được coi là khai thác khoáng sản.

Trong khi đó, phần đất do Công ty V1 không phải là đất nguyên thủy tại vị trí này. Công ty không khai thác mà chỉ vận chuyển đất san lấp của Công ty đã tồn đọng tại vị trí này đi nơi khác.

Theo Khoản 1 Điều 64 Luật Khoáng sản thì trong các loại “khoáng sản làm vật liệu thông thường” hoàn toàn không có loại nào là “đất san lấp” hoặc “đất tầng

phủ” như Công an huyện tự sáng tạo ra để quy chụp cho Công ty M1.

Ngay trong nội dung Kết luận kiểm tra có lời trình bày của Công Ty TNHH Đ3 (người mua đất của Công ty M1), của các ông Kim T4, Nguyễn Minh Đ, Hà Chí H1 cũng xác định rõ là “vận chuyển đất san lấp”. Chính các nội dung này cũng đã mâu thuẫn với mẫu vật do C4 giám định được nêu trong kết luận.

Như vậy, Công an huyện cố ý quy chụp việc “vận chuyển” đất san lấp thành hành vi “khai thác khoáng sản”.

Thứ 6: Vi phạm về phạm vi, thẩm quyền, tư cách lập biên bản trong quá trình kiểm tra.

Vì việc kiểm tra của Công an huyện theo Quyết định số 168/QĐ-KTĐĐ là thực hiện theo trình tự, thủ tục và thẩm quyền quy định tại Nghị định số 105/2015/NĐ-CP, Thông tư số 80/2019/TT-BCA của Bộ C1.

Theo khoản 2 Điều 6 Nghị định số 81/2013/NĐ-CP thì người có thẩm quyền lập biên bản chỉ có quyền lập Biên bản vi phạm về những vi phạm thuộc phạm vi thi hành công vụ được giao.

Theo quy định tại Pháp lệnh cảnh sát Môi trường, Điều 7 Thông tư số 80/2019/TT- BCA ngày 27/12/2019 của Bộ C1 thì tất cả các Biên bản trong quá trình kiểm tra (như: Biên bản tạm giữ phương tiện, Biên bản lấy mẫu, Biên bản vi phạm hành chính...vv) phải do Tổ kiểm tra lập và phải có chữ ký của Công ty.

Điều bất thường là các Biên bản định giá, Biên bản lấy mẫu, văn bản trưng cầu giám định...) để Công an huyện làm cơ sở ban hành Kết luận kiểm tra số 01/KLKT lại là các tài liệu do Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện lập để Hợp thức hóa hồ sơ mà không phải là do không phải do Tổ kiểm tra lập theo đúng tại Nghị định số 105/2015/NĐ- CP, Thông tư số 80/2019/TT-BCA của Bộ C1.

Theo Điều 2 của Quyết định số 168/QĐ-KTĐĐ thì phạm vi thi hành công vụ là: “kiểm tra địa điểm có liên quan đến tội phạm, vi phạm hành chính về môi trường” mà không phải là về khoáng sản. Ngay tại phần trích yếu nội dung của Kết luận số 01/KLKT ngày 19/01/2021 của Công an huyện cũng xác định rõ: Kết luận kiểm tra địa điểm có liên quan đến tội phạm, vi phạm hành chính về Môi trường của Công an huyện B

Mặt khác, theo điểm d khoản 2 Điều 7 Thông tư số 80/2019/TT-BCA thì thẩm quyền lập Biên bản vi phạm hành chính, Biên bản tạm giữ là của tổ kiểm tra (với tư cách là Tổ kiểm tra).

Tuy nhiên do cố ý ngụy tạo hồ sơ nên Biên bản vi phạm hành chính số 02/BB- VPHC ngày 25/01/2021 thì người lập biên bản vi phạm hành chính lại là “Phó đội trưởng” và “cán bộ” mà không phải là “TỔ KIỂM TRA” theo đúng quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 7 Thông tư số 80/2019/TT-BCA.

Điều kỳ lạ hơn nữa là Công an huyện làm việc theo kiểu “râu ông nọ cắm vào cằm bà kia” khi Biên bản vi phạm hành chính được lập căn cứ vào Kết luận

số 01/KLKT ngày 19/01/2021 về lĩnh vực môi trường về Môi trường nhưng nội dung Biên bản lại cho rằng Công ty vi phạm về lĩnh vực khoáng sản

Thứ 7: Công an huyện B có ý ngụy tạo hồ sơ để quy chụp cho Công ty là vi phạm pháp luật.

Do ngụy tạo hồ sơ, chứng cứ nên các Biên bản định giá, Biên bản lấy mẫu, văn bản trưng cầu giám định...) để Công an huyện làm cơ sở ban hành Kết luận kiểm tra số 01/KLKT lại là các tài liệu do Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện lập để Hợp thức hóa hồ sơ mà không phải do Tổ kiểm tra lập theo đúng quy định tại. Ngoài ra Công an huyện còn trưng cầu đơn vị không có chức năng và thẩm quyền giám định mẫu đất, không có chức năng đo lường khối lượng đất.

Việc kiểm tra nêu trên là theo Nghị định số 105/2015/NĐ-CP, Thông tư số 80/2019/TT-BCA của Bộ C1. Các hoạt động kiểm tra này không phải là hoạt động điều tra theo quy định của Bộ Luật tố tụng hình sự.

Do Tổ Kiểm tra không có biên bản, không có chứng cứ nên Công an huyện đã ngụy tạo các Biên bản ghi lời khai của một số cá nhân (như Hà Chí H1, Nguyễn Thành T5, Kim T4..vv) do các Điều tra viên, cán bộ Điều tra (không phải là thành viên của Tổ Kiểm tra, không có tự cách và thẩm quyền trong Tổ kiểm tra theo Quyết định số 168/QĐ-KTĐĐ như Phạm Thế H2, L...vv) của Công an huyện lập theo hình thức và nội dung Mẫu Biên bản số 71 quy định tại Thông tư số 61/2017/TT-BCA theo Bộ Luật tố tụng hình sự để làm căn cứ quy chụp cho Công ty là vi phạm pháp luật.

Thứ 8: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B phớt lờ quyền giải trình của Công ty M1.

Thực hiện quyền giải trình bằng văn bản quy định tại khoản 2 Điều 61 Luật xử lý vi phạm hành chính, Công ty đã có Bản giải trình số 02/GTr-CTNTh đề ngày 27/01/2021 gửi trực tiếp (có Biên bản giao nhận kèm theo) cho Công an huyện vào lúc 08 giờ 40 phút ngày 29/01/2021, theo đó Công ty đã nêu rõ các vi phạm của Công an huyện trong quá trình kiểm tra và lập biên bản vi phạm hành chính.

Căn cứ theo Mẫu quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 02 ban hành tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 97/2017/NĐ-CP ngày 18/08/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật xử lý vi phạm hành chính thì một trong những căn cứ bắt buộc phải các để ban hành Quyết định xử phạt là “Biên bản giải trình”.

Tuy nhiên, trước khi ban hành Quyết định xử phạt số 477/QĐ-XPVPHC, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đã không kiểm tra phát hiện các vi phạm của Công an huyện như đã nêu trên, không xem xét và căn cứ vào Bản giải trình số 02/GTr-CTNTh của Công ty M1 trước khi ban hành Quyết định xử phạt theo quy định.

Ngoài ra, Quyết định xử phạt số 477/QĐ-XPVPHC cũng không có đầy đủ nội dung và đúng theo mẫu của Chính phủ quy định.

Từ nội dung trên có đủ căn cứ để khẳng định Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 477/QĐ-XPVPHC ngày 18/02/2021 là hoàn toàn trái pháp luật.

2. Vi phạm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B khi ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 821/QĐ-UBND ngày 05/04/2022 (lần đầu).

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh N, phớt lờ tất cả các lý do, các căn cứ khiếu nại, các yêu cầu của Công ty nêu tại Đơn Khiếu nại như đã nêu ở phần trên và tại Bản giải trình số 02/GTr-CTNTh đề ngày 27/01/2021 của Công ty và tại Biên bản làm việc ngày 06/05/2021 của Đ1 xác minh.

II. Việc vi phạm pháp luật của Bộ trưởng Bộ T6 khi ban hành Quyết định số 240/QĐ-BTNMT ngày 29/01/2024 về việc giải quyết khiếu nại (lần 2).

1. Vi phạm về trình tự, thủ tục giải quyết khiếu nại.

Theo quy định tại Khoản 1 Điều 36 Luật Khiếu nại năm 2011 quy định: “Thụ lý giải quyết khiếu nại lần hai: “1. Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được đơn khiếu nại thuộc thẩm quyền giải quyết của mình và không thuộc một trong các trường hợp quy định tại Điều 11 của Luật này, người giải quyết khiếu nại lần hai phải thụ lý giải quyết và thông báo bằng văn bản cho người khiếu nại”.

Thẩm quyền giải quyết khiếu nại (lần 2) của Công ty đối với Quyết định xử phạt hành chính số 477/QĐ-XPVPHC của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B là thuộc Bộ trưởng Bộ T6.

Theo Khoản 1 Điều 36 Luật Khiếu nại năm 2011 và theo Khoản 2 Điều 16 Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật khiếu nại thì Bộ trưởng Bộ T6 phải ra Thông báo việc thụ lý giải quyết khiếu nại theo mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 124/2020/NĐ-CP và phải gửi cho Công ty M1.

Tuy nhiên, Bộ trưởng Bộ T6 cũng đã bất chấp quy định tại Khoản 1 Điều 36 Luật Khiếu nại năm 2011 và theo Khoản 2 Điều 16 Nghị định số 124/2020/NĐ-CP vì đã không có Thông báo việc thụ lý giải quyết khiếu nại (Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 124/2020/NĐ-CP) gửi cho Công ty.

2. Vi phạm về nội dung.

Bộ trưởng Bộ T6 cũng né tránh, phớt lờ tất cả các lý do, các căn cứ khiếu nại, các yêu cầu của Công ty M1 nêu tại Đơn Khiếu nại lần 2 và quá trình khiếu nại của Công ty.

Từ những nội dung trên, Công ty M1 yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

- Hủy Quyết định số 477/QĐ-XPVPHC ngày 18/02/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khoáng sản đối với Công ty TNHH Một thành viên M1.

- Hủy Quyết định số 821/QĐ-UBND ngày 05/04/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B về việc giải quyết khiếu nại đối với Quyết định số 477/QĐ-XPVPHC ngày 18/02/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (lần đầu).

- Hủy Quyết định số 240/QĐ-BTNMT ngày 29/01/2024 của Bộ trưởng Bộ T6 về việc giải quyết khiếu nại của Công ty TNHH MTV M1 (địa chỉ: Khu phố G phường U, thị xã T, tỉnh Bình Dương (lần 2)).

Tại Bản trình bày ý kiến ngày 21/3/2025 người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B trình bày:

I. Nội dung khiếu nại

Theo đơn khiếu nại đề ngày 25/02/2021, Công ty M2 nại Quyết định số 477/QĐ-XPVPHC ngày 18/02/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khoáng sản đối với Công ty M1 và yêu cầu:

- Hủy Quyết định số 477/QĐ-XPVPHC ngày 18/02/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Hoàn trả lại phương tiện là xe máy đào bánh xích hiệu Hitachi, số khung 145-48443, số máy 6BD1-700209 cho Công ty M1.

- Bồi thường thiệt hại do bị thu giữ máy đào, mức bồi thường cho thời gian kể từ khi bị tạm giữ (ngày 02/12/2020) đến ngày ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại (tạm tính khoảng 05 tháng): 45.000.000 đồng/1 xe/1 tháng x 05 tháng 225.000.000 đồng.

II. Kết quả xác minh nội dung khiếu nại

1. Về chủ thể khiếu nại Quyết định số 477/QĐ-XPVPHC

Công ty M1 được phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên lần đầu ngày 26/02/2008; đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 18/11/2014. Mã số doanh nghiệp: 3700878557. Người đại diện theo pháp luật của Công ty là ông Đỗ Hoài Phương M, Chủ tịch kiêm Giám đốc. Địa chỉ trụ sở chính: Thửa đất số 181, tờ bản đồ số 34, khu G, phường U, thị xã T, tỉnh Bình Dương.

Công ty M1 được cấp phép hoạt động đối với 16 ngành nghề kinh doanh. Trong đó có:

Chuẩn bị mặt bằng. Chi tiết: San lấp mặt bằng. Mã ngành 4312 (chính);

Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét. Chi tiết: Khai thác đất, sỏi đỏ, đất sét gạch (Chỉ hoạt động sau khi được cơ quan có thẩm quyền cấp phép khai thác khoáng sản). Mã ngành 0810.

2. Về hoạt động kiểm tra, xác minh của Công an huyện B

Ngày 02/12/2020, Phó Trưởng Công an huyện B ban hành Quyết định số

168/QĐ-KTĐĐ về việc kiểm tra địa điểm có liên quan đến tội phạm, vi phạm hành chính về môi trường. Nội dung kiểm tra: Hoạt động khai thác, vận chuyển khoáng sản tại khu vực Cụm C, thuộc ấp X, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương.

Vào lúc 14 giờ 30 phút, ngày 02/12/2020, tại ấp X, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương, Tổ Kiểm tra lập biên bản công bố Quyết định số 168/QĐ-KTĐĐ cho đơn vị được kiểm tra là Công ty M1, do ông Đỗ Hoài Phương M làm Giám đốc, ông M đã ký xác nhận Biên bản vào lúc 14 giờ 40 phút.

Cùng thời điểm công bố Quyết định số 168/QĐ-KTĐĐ, Tổ Kiểm tra phối hợp cùng Phòng T8 Công an tỉnh, Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện B, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T8, Công an xã T, Ủy ban nhân dân xã T, Sở T9 và đại diện đơn vị được kiểm tra là Công ty M1 và Công ty trách nhiệm hữu hạn T7 - Cụm C, tiến hành lập Biên bản kiểm tra địa điểm có liên quan đến tội phạm, vi phạm hành chính về môi trường. Việc kiểm tra kết thúc lúc 18 giờ, ngày 02/12/2020 Biên bản không có chữ ký của đại diện Công ty M1 do ông Đỗ Hoài Phương M bỏ về không ký biên bản.

Vào lúc 18 giờ, ngày 02/12/2020, tại ấp X, xã T, huyện B cùng với sự tham gia của các thành viên tham gia kiểm tra, Tổ Kiểm tra tiến hành lập biên bản sự việc, có sự chứng kiến của ông Hà Chí H1 - Tài xế ô tô 61C-151.56, trong đó có ghi nhận:

+ Vào lúc 14 giờ 30 phút, Tổ Công tác đã công bố và bàn giao Quyết định kiểm tra cho ông Đỗ Hoài Phương M - Giám đốc Công ty M1, nhưng sau khi lập biên bản kiểm tra ông Đỗ Hoài Phương M bỏ về, không ký biên bản.

+ Sau khi lập biên bản kiểm tra, Tổ Công tác đã mời đại diện theo pháp luật của Công ty M1 đến làm việc và ký biên bản kiểm tra nhưng đại diện theo pháp luật của Công ty M1 không đến làm việc và ký biên bản kiểm tra, biên bản tạm giữ phương tiện.

Theo Biên bản “kiểm tra địa điểm có liên quan đến tội phạm, vi phạm hành chính về môi trường”, lúc 14 giờ 30 phút, ngày 02/12/2020 của Tổ Kiểm tra Công an huyện B có ghi nhận:

+ Vị trí khai thác thuộc thửa đất số 213, tờ bản đồ số 08, ấp X, xã T, huyện B.

+ Ông Nguyễn Thành T5, sinh năm 1963, hộ khẩu thường trú: Khu phố B, thị trấn T, huyện B, tỉnh Bình Dương, là nhân viên Công ty M1, đang điều khiển máy đào bánh xích hiệu Hitachi, màu cam, khai thác khoáng sản đổ lên xe ô tô tải ben mang BKS: 61C-192.17, sau đó vận chuyển đến đổ san lấp mặt bằng tại khu phố E, phường U, thị xã T, cách vị trí khai thác khoảng 500m.

+ 02 xe ô tô tải biển số 61C-035.35 và 61C-151.56 đang vận chuyển 10m³ khoáng sản, xe từ vị trí khai thác ra ngoài, cách vị trí khai thác khoảng 300m.

+ Ông Hà Chí H1 là nhân viên Công ty M1, ngày 01/12/2020 được giao

nhệm vụ điều khiển xe ô tô tải biển số 61C-151.56 của Công ty đến vị trí khai thác tại ấp X, xã T, huyện B để lấy đất do ông Nguyễn Thành T5 khai thác, vận chuyển đến đổ san lấp tại công ty không rõ tên, cách vị trí khai thác khoảng 01Km. Ngày 01/12/2020, ông H1 đã vận chuyển được 06 xe (60m), ngày 02/12/2020 vận chuyển được 04 xe (40m), khi đang quay lại vị trí khai thác để lấy đất thì bị phát hiện, kiểm tra.

+ Vào lúc 14 giờ 30 phút, ngày 02/12/2020, tại ấp X, xã T, huyện B, ông Đỗ Hoài Phương M - Giám đốc Công ty M1 nghe công bố và nhận Quyết định kiểm tra số 168/QĐ-KTĐĐ của Công an huyện B nhưng không ký biên bản kiểm tra.

Ngày 02/12/2020, tại ấp X, xã T, huyện B, ông Hà Chí H1 có khai nhận với Công an huyện B như sau:

+ Ông Hà Chí H1 làm tài xế lái xe ô tô tải biển số 61C-151.56 cho Công ty M1 từ ngày 15/10/2020.

+ Ngày 01/12/2020, ông Đỗ Hoài Phương M - Giám đốc Công ty M1 chỉ đạo ông Hà Chí H1 điều khiển xe ô tô tải ben loại 15 tấn, biển số 61C- 151.56 đến vị trí khai thác đất của Công ty M1, tại ấp X, xã T, huyện B để vận chuyển đất san lấp từ vị trí khai thác xa khoảng 01km, gần Công ty G, thuộc phường U, thị xã T, tỉnh Bình Dương.

+ Ngày 01/12/2020, ông Hà Chí H1 vận chuyển được 06 xe; ngày 02/12/2020 vận chuyển được 04 xe, thì bị lực lượng công an kiểm tra, mời làm việc.

- Ngày 04/12/2020, ông Nguyễn Thành T5 có khai nhận với Công an huyện B như sau:

+ Ông Nguyễn Thành T5 lái xe cần cẩu, máy đào thuê cho Công ty M1; địa chỉ: khu phố G, phường U, thị xã T, Bình Dương; không ký Hợp đồng lao động, được trả công theo ngày.

+ Khoảng 08 giờ ngày 02/12/2020, ông Nguyễn Thành T5 được ông Đỗ Hoài Phương M giao nhiệm vụ đến khu vực khai thác, tại ấp X, xã T, huyện B để điều khiển xe máy đào bánh xích, hiệu Hitachi màu cam, gàu 0,7 để cuốc đất tại đây lên 03 xe ô tô tải của Công ty, biển số 61C 151.56; 61C-035.35; 61C-192.17 vận chuyển đổ san lấp mặt bằng tại một công ty không rõ tên, bên cạnh Công ty G, cách vị trí khai thác khoảng 01km. Đến khoảng 10 giờ 30 phút cùng ngày, ông T5 cuốc được khoảng 18 xe (mỗi xe khoảng 10m đất) thì nghỉ trưa. Đến khoảng 13 giờ cùng ngày thì tiếp tục cuốc đất được 01 “tua” (03 xe), khi đang cuốc đất lên xe ô tô tải biển số 61C-192.17 thì bị lực lượng công an kiểm tra.

Ngày 08/12/2020, Đội đăng ký xe thuộc Phòng C5 Công an tỉnh trả lời xác minh phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, xác định: “Chủ xe biển số 61C-035.35 và 61C-192.17 là Công ty M1, địa chỉ:khu phố G, U, T”.

Ngày 06/01/2021, Sở G1 có Văn bản số 55/SGTVT- VTPTNL về việc trả lời tra cứu đăng ký phương tiện, xác định: “Máy đào bánh xích hiệu Hitachi; số khung 145-48443; số máy 6BD1-700209, do Công ty M1 là chủ sở hữu; biển số đăng ký: 61XA-0733; địa chỉ: khu phố G, phường U, thị xã T, tỉnh Bình Dương”.

3. Việc xử phạt hành vi vi phạm hành chính của Công ty M1:

3.1 Vị trí, tình trạng pháp lý của khu đất:

Theo Biên bản “kiểm tra địa điểm có liên quan đến tội phạm, vi phạm hành chính về môi trường”, lúc 14 giờ 30 phút ngày 02/12/2020, vị trí Công ty M1 khai thác thuộc thửa đất số 213, tờ bản đồ số 08, ấp X, xã T, huyện B.

Ngày 04/12/2020, Sở T9 có Văn bản số 5338/STNMT-CCQLĐĐ xác nhận: Thửa đất số 213, diện tích 25.002m², đất trồng cây hàng năm khác, tờ bản đồ số 08, tại xã T, huyện B, đã được cấp Giấy chứng nhận số H00085 ngày 26/9/2005 cho ông Huỳnh Ngọc V. Công ty trách nhiệm hữu hạn T7 đã nhận chuyển nhượng toàn bộ diện tích đất này, theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được Ủy ban nhân dân xã T xác nhận ngày 22/4/2007.

Ngày 05/01/2021, Sở T9 có Văn bản số 21/STNMT- TNNKS&KTTV về việc cung cấp thông tin cấp phép hoạt động khoáng sản, xác nhận: “Tính đến thời điểm hiện tại, Ủy ban nhân dân tỉnh K cấp Giấy phép khai thác khoáng sản cho tổ chức, cá nhân nào tại thửa đất số 213, tờ bản đồ số 08, thuộc ấp X, xã T, huyện B”.

3.2 Hoạt động khai thác tại khu đất

Theo Biên bản “kiểm tra địa điểm có liên quan đến tội phạm, vi phạm hành chính về môi trường”, lúc 14 giờ 30 phút ngày 02/12/2020, Công ty M1 đang sử dụng máy đào bánh xích hiệu Hitachi và 03 xe ô tô tải biển kiểm soát: 61C-192.17; 61C-035.35; 61C-151.56 để đào lấy đất tại thửa đất số 213, tờ bản đồ số 08, thuộc ấp X, xã T, huyện B, sau đó đi san lấp mặt bằng tại khu phố E, phường U, thị xã T.

Diện tích khai thác được Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện B đo đạc là 1.388,7m, độ sâu trung bình từ 01 đến 03 mét. Tổng khối lượng khoáng sản đã khai thác là 1.388,7m³x 01m= 1.388,7m³

Tổ Kiểm tra tạm giữ 01 máy đào bánh xích hiệu Hitachi và 02 xe ô tô tải biển kiểm soát: 61C-192.17; 61C-035.35 và toàn bộ khoáng sản trên xe.

3.3 Loại khoáng sản đã khai thác

Vào lúc 17 giờ ngày 02/12/2020, tại điểm khai thác đất trái phép, thuộc ấp X, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương với sự chứng kiến của đại diện Sở T9, Phòng T8 Công an tỉnh, Công an huyện B, Ủy ban nhân dân xã T, Công an xã T và Công ty M1, Tổ Kiểm tra tiến hành lấy 02 (hai) mẫu đất: “01 mẫu đất trên thùng xe tải biển kiểm soát 61C-192.17; 01 mẫu tại vị trí khai thác”. Biên bản lấy mẫu không có chữ ký của đại diện Công ty M1, do vắng mặt (bỏ về khi đang làm việc)

đã được ghi nhận tại Biên bản kiểm tra địa điểm ngày 02/12/2020.

Ngày 17/12/2020, Sở T9 có Văn bản số 5527/STNMT-TNNKSKTTV về kết quả trưng cầu giám định loại khoáng sản, xác định:

- Mẫu M1 - Mẫu được lấy trên thùng xe ô tô tải ben có biển số kiểm soát 61C-192.17- Kết quả phân tích mẫu ngày 14/12/2020: Mẫu đạt tiêu chuẩn để sản xuất gạch nung theo TCVN 4353:1986.

Mẫu M2 - Mẫu được lấy tại vị trí khai thác - Kết quả phân tích mẫu ngày 14/12/2020: Mẫu đạt tiêu chuẩn để sản xuất gạch nung theo TCVN 4353:1986.

3.4 Giá trị khoáng sản đã khai thác và giá trị phương tiện sử dụng vi phạm hành chính.

Ngày 31/12/2020, Hội đồng định giá tài sản huyện B ban hành Kết luận định giá tài sản:

-*Kết luận số 132/KLHD-ĐGTS xác định đơn giá Đất sét gạch là 140.000đồng/m³. Giá trị 1.388,7m³ đất đã khai thác, trị giá 194.418.000 đồng.*

-*Kết luận số 134/KLHD-ĐGTS xác định giá trị máy đào bánh xích hiệu Hitachi, màu cam, số khung:145-48443, số máy 6BD1-700209, loại gàu: 0,7m, trị giá 327.000.000 đồng.*

3.5 Trình tự thủ tục xử phạt vi phạm hành chính đối với Công ty M1.

Ngày 25/01/2021, tại Công an huyện B, căn cứ Kết luận kiểm tra địa điểm có liên quan đến tội phạm, vi phạm hành chính về môi trường số 01/KLKT ngày 19/01/2021 của Công an huyện B, Đội Cảnh sát hình sự, Kinh tế và Ma túy Công an huyện lập Biên bản vi phạm hành chính số 02/BB-VPHC đối với Công ty M1. Nội dung vi phạm hành chính: “Ngày 02/12/2020, Công ty M1 đã chỉ đạo cho nhân viên sử dụng máy đào bánh xích hiệu Hitachi màu cam, loại gàu 0,7m³ và các xe ô tô tải ben biển số 61C-192.17, 61C-151.56 và 61C- 035.35, khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường, không sử dụng vật liệu nổ công nghiệp mà không có giấy phép khai thác khoáng sản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền tại thửa đất số 213, tờ bản đồ số 08, ấp X, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương của Cụm C, do Công ty trách nhiệm hữu hạn T7 chủ sở hữu quyền sử dụng đất, với khối lượng, 1.388,7m³ đất sét gạch. Được quy định tại điểm e khoản 1 Điều 47 Nghị định số 36/2020/NĐ-CP ngày 24/3/2020 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước và khoáng sản”. Công ty M1 cho rằng: “Biên bản vi phạm hành chính này căn cứ vào Kết luận kiểm tra số 01/KLKT ngày 19/01/2021, tuy nhiên Kết luận này thực hiện việc kiểm tra không đúng quy định Pháp lệnh Cảnh sát môi trường, Nghị định số 105/2015/NĐ-CP và Thông tư số 80/2019/TT-BCA nên không có giá trị pháp lý”.

Ngày 29/01/2021, Công an huyện B nhận được Bản giải trình số 02/GTr-CTMTh ngày 27/01/2021 của Công ty M1 đối với Kết luận kiểm tra số 01/KLKT

ngày 19/01/2021 và Biên bản vi phạm hành chính số 02/BB-VPHC ngày 25/01/2021 của Công an huyện B. Bản giải trình này cho rằng: “Công an huyện vi phạm pháp luật trong việc kiểm tra, xác định hành vi vi phạm”. Tuy nhiên, Công ty M1 không cung cấp chứng cứ chứng minh việc không vi phạm hành chính của mình.

Ngày 01/02/2021, Công an huyện B ban hành Tờ trình số 22/TTr-CAH(KT) trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B lập tờ trình tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Công ty M1 theo đúng thẩm quyền.

Ngày 04/02/2021, Ủy ban nhân dân huyện B ban hành Tờ trình số 319/TTr-UBND về việc trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khoáng sản đối với Công ty M1.

Ngày 18/02/2021, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B Quyết định số 477/QĐ-XPVPHC về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khoáng sản đối với Công ty M1, địa chỉ: khu phố G, phường U, thị xã T, tỉnh Bình Dương, như sau:

- Hình thức xử phạt chính: Phạt tiền, cụ thể: 90.000.000 đồng.

Hình thức phạt bổ sung:

+ Tịch thu toàn bộ khoáng sản được quy đổi bằng tiền là 1.388,7m³ đất sét gạch được quy đổi bằng tiền với tổng giá trị khoáng sản là 194.418.000đồng.

+ Tịch thu phương tiện sử dụng vi phạm hành chính là xe máy đào bánh xích hiệu Hitachi, màu cam, số khung:145-48443, số máy 6BD1-700209, trị giá 327.000.000đồng.

Các biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc Công ty M1 thực hiện các giải pháp cải tạo, phục hồi môi trường khu vực đã khai thác, đưa khu vực khai thác về trạng thái an toàn; buộc chi trả kinh phí trưng cầu giám định, đo đạc.

4. Kết quả xác minh hiện trạng khu vực khai thác:

Ngày 06/5/2021, Đoàn xác minh theo Quyết định số 651/QĐ-UBND tiến hành xác minh hiện trạng khu vực khai thác, kết quả ghi nhận như sau:

Vị trí xảy ra vụ việc: Thuộc một phần thửa đất số 213, tờ bản đồ số 08, ấp X, xã T, huyện B.

Hiện trạng khu vực xảy ra vụ việc là khu đất đồi và hố sâu bị biến dạng địa hình, do quá trình khai thác đất. Tại khu vực khai thác ghi nhận đất có màu vàng và L vàng pha đỏ.

III. Kết quả đối thoại:

Ngày 17/02/2022, Lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh C cùng các ngành chức năng có quan tổ chức đối thoại với ông Đỗ Hoài Phương M (đại diện theo pháp luật của Công ty M1). Tại buổi đối thoại, Lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh và các thành phần tham dự đã giải thích cho ông Đỗ Hoài Phương M hiểu rõ việc khiếu

nại Quyết định số 477/QĐ-XPVPHC ngày 18/02/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, là không có cơ sở để xem xét, giải quyết.

IV. Nhận xét:

Việc ông Đỗ Hoài Phương M - đại diện theo pháp luật của Công ty M1 khiếu nại, yêu cầu hủy Quyết định số 477/QĐ-XPVPHC ngày 18/02/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khoáng sản đối với Công ty M1; hoàn trả lại phương tiện là xe máy đào bánh xích hiệu Hitachi, số khung 145-48443, số máy 6BD1-700209 cho Công ty M1; bồi thường thiệt hại do bị thu giữ máy đào, mức bồi thường 225.000.000 đồng, là không có cơ sở để xem xét, giải quyết, bởi vì:

1. Về hoạt động kiểm tra của Công an huyện B:

Theo quy định tại Điều 3, khoản 5 Điều 7, điểm c khoản 1 Điều 8 của Pháp lệnh Cảnh sát môi trường năm 2014; khoản 1 và khoản 2 Điều 7 Nghị định số 105/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Cảnh sát môi trường, Cảnh sát môi trường được tiến hành các hoạt động kiểm tra việc chấp hành pháp luật về môi trường, tài nguyên, an toàn thực phẩm đối với cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân, sau khi có quyết định kiểm tra của người có thẩm quyền (trường hợp này là Trưởng Công an huyện); khoản 1 Điều 2, khoản 3 Điều 3 Thông tư số 80/2019/TT-BCA ngày 27/12/2019 của Bộ C1 hướng dẫn thực hiện Điều 7, Điều 8 của Nghị định số 105/2015/NĐ-CP; Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế; Nghị định số 113/2018 ngày 31/8/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP, Cảnh sát môi trường Công an huyện B được ghép cùng Đội Cảnh sát Hình sự, Kinh tế và Ma túy, thì Trưởng Công an huyện B áp dụng khoản 5 Điều 7 của Pháp lệnh Cảnh sát môi trường, Điều 8 của Nghị định số 105/2015/NĐ-CP và Điều 7 của Thông tư số 80/2019/TT-BCA, thành lập Tổ Kiểm tra địa điểm có liên quan đến tội phạm hoặc vi phạm hành chính về môi trường, gồm các thành viên thuộc Đ4, Kinh tế và Ma túy, là đúng quy định.

Mặt khác, tại buổi kiểm tra có sự tham gia phối hợp của Phòng T8 Công an tỉnh, Sở T9, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T8, Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện B, Ủy ban nhân dân xã T, Công an xã T và đại diện đơn vị được kiểm tra là Công ty M1 và Công ty trách nhiệm hữu hạn T7 nên kết quả kiểm tra thể hiện được sự khách quan, trung thực; đảm bảo đúng mục đích, yêu cầu công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm, vi phạm pháp luật khác; tôn trọng, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân theo quy định tại khoản 2 Điều 3 của Thông tư số 80/2019/TT-BCA.

2. Về chủ thể vi phạm hành chính:

- Công ty M1 là một doanh nghiệp được thành lập và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp. Căn cứ khoản 2 Điều 1 của Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày

19/7/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 1 của Nghị định số 97/2017/NĐ-CP ngày 18/8/2017 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2013/NĐ-CP. Thời điểm Tổ Kiểm tra theo Quyết định số 168/QĐ-KTĐĐ phát hiện hành vi khai thác khoáng sản, tại thửa đất số 213, tờ bản đồ số 08, ấp X, xã T, huyện B, Công ty M1 đang sử dụng nguồn lực của mình để thực hiện hành vi khai thác và vận chuyển khoáng vật. Cụ thể:

+ Tổ Kiểm tra đã lập biên bản làm việc với nhân viên (người lao động) vận hành của Công ty M1 gồm: Nguyễn Thành T5 và Hà Chí H1.

+ Tổ Kiểm tra tạm giữ phương tiện phục vụ khai thác gồm: Máy đào bánh xích hiệu Hitachi và 02 xe ô tô tải biển kiểm soát: 61C-192.17; 61C-035.35 thuộc quyền sở hữu của Công ty M1 và toàn bộ khoáng sản trên xe.

Từ các căn cứ trên cho thấy, Quyết định số 477/QĐ-XPVPHC xác định Công ty M1 là chủ thể vi phạm hành chính, là đúng quy định của pháp luật.

3. Về việc xác định hành vi vi phạm hành chính:

- Theo quy định tại khoản 1, 5, 7 Điều 2; khoản 2 Điều 4; khoản 2 Điều 64 của Luật Khoáng sản năm 2010; Văn bản số 5338/STNMT-CCQLĐĐ và Văn bản số 21/STNMT- TNNKS&KTTV của Sở T9 xác nhận: “thửa đất số 213 là đất trồng cây hàng năm khác, đã được ông Huỳnh Ngọc V chuyển nhượng cho Công ty trách nhiệm hữu hạn T7. Thửa đất này chưa được Ủy ban nhân dân tỉnh C phép khai thác khoáng sản” thì Công ty M1 sử dụng nguồn lực của mình để thực hiện hành vi khai đào và vận chuyển đất ra khỏi phạm vi thửa đất số 213, khi chưa được cơ quan có thẩm quyền cấp phép, là vi phạm quy định về khai thác khoáng sản.

4. Về xác định tính chất, mức độ vi phạm và hậu quả của hành vi:

Theo Kết luận số 132/KLHD-ĐGTS của Hội đồng định giá tài sản huyện B, tổng số lượng khoáng sản đã khai thác là 1.388,7m với trị giá 194.418.000 đồng (dưới 500 triệu đồng), không thuộc trường hợp phải truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 227 của Bộ Luật Hình sự

Tại thời điểm phát hiện hành vi vi phạm, máy đào bánh xích hiệu Hitachi, cam, số khung:145-48443, số máy 6BD1-700209, là phương tiện trực tiếp thực hiện hành vi khai đào tại thửa đất số 213, tờ bản đồ số 08, ấp X, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương.

Theo Biên bản ghi nhận sự việc lúc 18 giờ ngày 02/12/2020, Công ty M1 không đến làm việc và ký các biên bản có liên quan. Vì vậy, việc thu giữ mẫu vật có sự tham gia chứng kiến và xác nhận của đại diện Sở T9, Phòng Cảnh sát môi trường tỉnh, Công an huyện B, Ủy ban nhân dân xã T, Công an xã T, là đúng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 11 của Nghị định số 105/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ.

Kết quả kiểm tra thực địa cho thấy thửa đất số 213, tờ bản đồ số 08, ấp X, xã T, bị biến dạng địa hình do việc khai thác đất.

Vì vậy, Công an huyện B lập Biên bản vi phạm hành chính và kiến nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh X vi phạm hành chính, là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 64 của Nghị định số 36/2020/NĐ-CP ngày 24/3/2020 của Chính phủ.

5. Về trình tự, thủ tục ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B Quyết định xử phạt vi phạm hành chính sau 14 ngày làm việc kể từ ngày lập biên bản vi phạm hành chính, là đảm bảo thời gian quy định tại khoản 1 Điều 66 của Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012.

Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 58 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012; khoản 1, khoản 2 Điều 6 của Nghị định số 81/2013/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 7 Điều 1 của Nghị định số 97/2017/NĐ-CP; mẫu Quyết định số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 97/2017/NĐ-CP; khoản 1 Điều 5, Điều 64, Điều 66 của Nghị định số 36/2020/NĐ-CP và Biên bản vi phạm hành chính số 02/BB-VPHC ngày 25/01/2021, Công an huyện báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khoáng sản, hoạt động thương mại đối với Công ty M1, là đảm bảo về mặt thẩm quyền và nội dung.

Tại điểm c khoản 1 Điều 68 của Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 quy định “Quyết định xử phạt vi phạm hành chính phải bao gồm các nội dung chính sau đây: c) Biên bản vi phạm hành chính, kết quả xác minh, văn bản giải trình của cá nhân, tổ chức vi phạm hoặc biên bản họp giải trình và tài liệu khác (nếu có)”. Tuy nhiên, Bản giải trình số 02/GTr-CTMTh ngày 27/01/2021 của Công ty M1 không có thông tin, tài liệu, chứng cứ chứng minh Công ty không phạm hành chính trong hoạt động khai thác khoáng sản tại thửa đất số 213, bản đồ số 08, ấp X, xã T, do đó Quyết định số 477/QĐ-XPVPHC ngày 18/02/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đ về mặt nội dung.

6. Về hình thức xử phạt vi phạm hành chính

Căn cứ hành vi, tính chất, mức độ vi phạm và hậu quả của hành vi, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B Quyết định số 477/QĐ-XPVPHC ngày 18/02/2021 về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khoáng sản đối với Công ty M1, là đúng quy định của pháp luật.

V. Kết luận

Từ những nội dung nêu trên, ngày 05/4/2022 Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B ban hành Quyết định số 821/QĐ-UBND giải quyết bác đơn khiếu nại của Công ty TNHH Một thành viên M1 đối với Quyết định số 477/QĐ-XPVPHC ngày 18/02/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, là đúng quy định pháp luật.

Đến nay, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B vẫn giữ nguyên nội dung xử phạt tại Quyết định số 477/QĐ-XPVPHC ngày 18/02/2021 và giữ nguyên quan

điểm giải quyết đơn tại Quyết định số 821/QĐ-UBND ngày 05/4/2022, đồng thời đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương tuyên xử: Bác đơn khởi kiện của Công ty TNHH Một thành viên M1; công nhận Quyết định số 477/QĐ-XPVPHC ngày 18/02/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh V xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khoáng sản và Quyết định số 821/QĐ-UBND ngày 05/4/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giải quyết đơn khiếu nại đối với Công ty M1, là đúng quy định pháp luật.

Tại Văn bản số 133 ngày 17/3/2025 người bị kiện Bộ T6 trình bày:

I. Nội dung khiếu nại

Công ty M1 khiếu nại Quyết định số 477/QĐ-XPVPHC ngày 18/02/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khoáng sản đối với Công ty M1 và yêu cầu:

- Hủy Quyết định số 477/QĐ-XPVPHC ngày 18/02/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B;

- Sửa chữa, khôi phục lại hiện trạng ban đầu và hoàn trả lại phương tiện là xe máy đào bánh xích hiệu Hitachi, số khung 145-48443, số máy 6BD1-700209 cho Công ty M1;

- Bồi thường thiệt hại do bị thu giữ máy đào, mức bồi thường cho thời gian từ khi bị tạm giữ (ngày 02/12/2020) đến ngày ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại với số tiền 45.000.000 đồng/tháng.

II. Kết quả xác minh nội dung khiếu nại và việc giải quyết khiếu nại.

1. Thông tin về người khiếu nại.

Công ty M1 được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh T9 cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH Một thành viên lần đầu ngày 26/02/2008; đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 18/11/2014. Người đại diện theo pháp luật của Công ty là ông Đỗ Hoài Phương M, Chủ tịch kiêm Giám đốc. Địa chỉ trụ sở chính: Thửa đất số 181, tờ bản đồ số 34, Khu phố G, phường U, thị xã T, tỉnh Bình Dương. Công ty M1 được cấp phép hoạt động đối với 16 ngành nghề kinh doanh, trong đó có ngành nghề: San lấp mặt bằng; khai thác đất, sỏi đỏ, đất sét gạch (chỉ được hoạt động sau khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép khai thác khoáng sản).

2. Kết quả xác minh nội dung khiếu nại.

Ngày 02/12/2020, Công an huyện B ban hành Quyết định số 168/QĐ-KTĐĐ về việc kiểm tra địa điểm có liên quan đến tội phạm, vi phạm hành chính về môi trường. Nội dung kiểm tra: Hoạt động khai thác, vận chuyển khoáng sản tại khu vực Cùm C (ấp X, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương).

Lúc 13 giờ 20 phút cùng ngày, Tổ kiểm tra đã tiến hành kiểm tra hiện trường phát hiện Công ty M1 đang cho công nhân tiến hành khai thác khoáng sản tại khu vực Cùm C nên đã lập Biên bản công bố Quyết định số 168/QĐ-KTĐĐ nêu trên

và giao Quyết định cho ông Đỗ Hoài Phương M (người đại diện theo pháp luật của Công ty M1), ông M đã ký nhận Quyết định. Tổ kiểm tra đã tiến hành lập Biên bản kiểm tra địa điểm có liên quan đến vi phạm hành chính về môi trường. Biên bản kiểm tra ghi nhận: Trong quá trình kiểm tra, phát hiện ông Nguyễn Thành T5 đang điều khiển xe máy đào bánh xích hiệu Hitachi, màu cam khai thác khoáng sản đổ lên xe ô tô tải biển kiểm soát 61C-192.17 (do ông Kim T4 điều khiển) để vận chuyển đến Khu phố E, phường U, thị xã T; 02 xe ô tô tải biển kiểm soát 61C-035.35 (do ông Nguyễn Minh Đ điều khiển) và 61C-151.56 (do ông Hà Chí H1 điều khiển) đang vận chuyển 10m³ mỗi xe khoáng sản từ vị trí khai thác ra ngoài cách đó 300 m. Vị trí khai thác là thửa đất số 213, tờ bản đồ số 8 xã T; diện tích khai thác 1.388,7m², tổng khối lượng đã khai thác 1.388,7m³.

Tổ kiểm tra đã làm việc với ông Hà Chí H1 là tài xế xe tải biển kiểm soát 61C-151.56, ông H1 khai nhận: Ông là nhân viên Công ty M1 được giao nhiệm vụ điều khiển xe tải của Công ty chở đất từ địa điểm khai thác đến đổ san lấp tại một địa điểm cách vị trí khai thác khoảng 1 km. Ngày 01/12/2020, ông H1 đã vận chuyển được 06 xe (khoảng 60 m³ đất), ngày 02/12/2020 vận chuyển được 04 xe (khoảng 40 m³ đất), khi quay lại vị trí khai thác để lấy đất thì bị phát hiện, kiểm tra. Ông Nguyễn Thành T5 khai nhận: Ông được ông Đỗ Hoài Phương M giao nhiệm vụ đến khu vực khai thác tại ấp X để điều khiển xe máy đào bánh xích hiệu Hitachi cuốc đất lên 03 xe ô tô tải biển kiểm soát 61C-151.56; 61C-035.17; 61C-035.35 vận chuyển đồ đất san lấp mặt bằng tại một địa điểm cách vị trí khai thác khoảng 1 km. Ông đã cuốc được khoảng 21 xe đất thì bị lực lượng công an kiểm tra, lập biên bản.

Đến 19 giờ ngày 02/12/2020, Công an huyện B lập các Biên bản tạm giữ ô tô tải biển kiểm soát 61C-035.35 và 10 m³ đất trên xe; xe ô tô tải biển kiểm soát 61C-192.17 và 10m³ đất trên xe; xe máy đào bánh xích, hiệu Hitachi màu cam, loại gầu 0,7m³ số khung: 145-48443, số máy 6BD1-700209. Đồng thời, Tổ kiểm tra phối hợp với Sở T9, Phòng T8 Công an tỉnh B, Ủy ban nhân dân xã T, Công an xã T đã tiến hành lấy 02 mẫu đất, 01 mẫu trên thùng xe ô tô tải biển kiểm soát 61C-192.17 và 01 mẫu tại nơi khai thác để phân tích thành phần và tên gọi của khoáng sản.

Sau khi việc kiểm tra kết thúc, ông Đỗ Hoài Phương M (đại diện Công ty M1) không có mặt để ký vào Biên bản kiểm tra và Biên bản lấy mẫu.

Cùng ngày 02/12/2020, Công an huyện B ban hành các quyết định tạm giữ xe ô tô tải biển kiểm soát 61C-035.35 và 10 m³ đất trên xe; xe ô tô tải biển kiểm soát 61C-192.17 và 10m³ đất trên xe; xe máy đào bánh xích, hiệu Hitachi màu cam, loại gầu 0,7 m³, số khung 145- 48443, số máy 6BD1- 700209. Thời gian tạm giữ là 7 ngày kể từ ngày 02/12/2020 đến hết ngày 08/12/2020.

Ngày 04/12/2020, Sở T9 có Văn bản số 5338/STNMT-CCQLĐĐ xác định quyền sử dụng thửa đất số 213, tờ bản đồ số 8 nêu trên có tổng diện tích là 25.002m² là của Công ty TNHH T7 (được Ủy ban nhân dân tỉnh B cho thuê với

diện tích là 2.085,3m² theo Quyết định số 1633/QĐ-UBND ngày 04/6/2010 và Công ty T7 nhận chuyển nhượng 22.916,7m²).

Ngày 08/12/2020, Công an huyện B ban hành các quyết định kéo dài thời hạn tạm giữ tang vật, phương tiện theo thủ tục hành chính, thời hạn kéo dài việc tạm giữ đối với các phương tiện và tang vật nêu trên.

Ngày 17/12/2020, Sở T9 có Văn bản số 5527/STNMT-TNNKSKTTV về kết quả trưng cầu giám định loại khoáng sản; nội dung: mẫu M1 lấy trên thùng xe tải biển kiểm soát 61C-192.17 và mẫu M2 được lấy ở vị trí khai thác đạt tiêu chuẩn đất sét để sản xuất gạch, ngói nung theo TCVN 4353:1986.

Ngày 31/12/2020, Hội đồng định giá tài sản huyện B xác định giá trị 1.388,7 m³ đất sét gạch nêu trên là 194.418.000 đồng (tại Kết luận số 110/KLHD-ĐGTS) và giá trị của máy đào bánh xích hiệu Hitachi màu cam, số khung 145-48443, số máy 6BD1-700209, loại gàu 0,7m³ là 327.000.000 đồng (tại Kết luận số 134/KLHD-ĐGTS).

Ngày 05/01/2021, Sở T9 có Văn bản số 21/STNMT-TNNKS&KTTV xác định Ủy ban nhân dân tỉnh không cấp Giấy phép khai thác khoáng sản cho tổ chức, cá nhân nào tại thửa đất 213, tờ bản đồ số 8 nêu trên.

Ngày 19/01/2021, Công an huyện B có Kết luận kiểm tra số 01/KLKT với nội dung: Công ty M1 đã có hành vi vi phạm pháp luật: Khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường không sử dụng vật t liệu nổ công nghiệp mà không có giấy phép khai thác khoáng sản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền từ 50 m trở lên, quy định tại điểm e khoản 1 Điều 47 Nghị định số 36/2020/NĐ-CP ngày 24/3/2020 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước và khoáng sản. Do mức tối đa khung tiền phạt và hình thức xử phạt bổ sung vượt thẩm quyền nên Công an huyện B sẽ lập Biên bản vi phạm hành chính, hoàn chỉnh các hồ sơ, thủ tục xử phạt và tham mưu trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khoáng sản đối với Công ty M1.

Ngày 20/01/2021, Công an huyện B ban hành Quyết định trả lại 02 xe ô tô tải biển kiểm soát số 61C-035.35, số 61C-192.17 và 10m³ đất trên mỗi xe.

Ngày 25/01/2021, Công an huyện B lập Biên bản vi phạm hành chính số 02/BB-VPHC đối với Công ty M1, có nội dung: Ngày 02/12/2020, Công ty M1 đã chỉ đạo cho nhân viên sử dụng xe máy đào bánh xích hiệu Hitachi màu cam, số khung 145-48443, số máy 6BD1- 700209, loại gàu 0,7m³ khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường không sử dụng vật liệu nổ công nghiệp mà không có giấy phép khai thác khoáng sản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền tại thửa đất số 213, tờ bản đồ số 08, xã T, thuộc Cụm C với khối lượng 1.388,7m³ đất sét gạch, bị xử phạt theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 47 Nghị định số 36/2020/NĐ-CP ngày 24/3/2020 của Chính phủ.

Ngày 27/01/2021, Công ty M1 có Bản giải trình số 01/GTr-CTMTh giải

trình đối với Kết luận số 01/KLKT ngày 19/01/2021 và đối với Biên bản vi phạm hành chính số 02/BB-VPHC ngày 25/01/2021 của Công an huyện B, với nội dung: Đối tượng bị kiểm tra là Công ty TNHH T7 mà không phải là Công ty M1; Công an huyện vi phạm nghiêm trọng về trình tự, thủ tục kiểm tra, cụ thể: Biên bản kiểm tra và Biên bản lấy mẫu đều không có chữ ký của Công ty M1; Công an huyện không phân biệt được hành vi khai thác và hành vi vận chuyển đất san lấp.

Ngày 04/02/2021, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B có Tờ trình số 319/TTr-UBND trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khoáng sản đối với Công ty M1.

Ngày 18/02/2021, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B ban hành Quyết định số 477/QĐ-XPVPHC về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khoáng sản đối với Công ty M1 có nội dung: Xử phạt Công ty M1 số tiền 90.000.000 đồng về hành vi vi phạm khai thác khoáng sản là đất sét gạch tại thửa số 213, tờ bản đồ số 08, xã T, huyện B theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 47 Nghị định số 36/2020/NĐ-CP của Chính phủ. Hình thức xử phạt bổ sung: Tịch thu toàn bộ 1.388,7m³ đất sét gạch (trị giá 194.418.000 đồng); tịch thu phương tiện sử dụng vi phạm hành chính là xe máy đào bánh xích hiệu Hitachi màu cam, số khung 145-48443, số máy 6BD1-700209 (trị giá 327.000.000 đồng) theo quy định tại khoản 4 Điều 47 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP của Chính phủ. Các biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc Công ty M1 thực hiện các giải pháp cải tạo, phục hồi môi trường khu vực đã khai thác, đưa khu vực khai thác về trạng thái ban đầu; buộc chi trả kinh phí trưng cầu giám định, đo đạc theo quy định tại khoản 5 Điều 47 Nghị định số 36/2020/NĐ-CP của Chính phủ.

Công ty M1 không đồng ý và có đơn khiếu nại, ngày 05/4/2022, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B ban hành Quyết định số 821/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại (lần đầu) với nội dung: Giữ nguyên Quyết định số 477/QĐ-XPVPHC ngày 18 tháng 02 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khoáng sản đối với Công ty M1.

Không đồng ý với Quyết định số 821/QĐ-UBND ngày 05/4/2022 nêu trên, Công ty M1 gửi đơn khiếu nại (lần hai) đến Bộ trưởng Bộ T6 và giữ nguyên các yêu cầu nêu trên.

Ngày 29/01/2024, Bộ trưởng Bộ T6 ban hành Quyết định số 240/QĐ-BTNMT giải quyết với nội dung: Công nhận và giữ nguyên Quyết định số 821/QĐ-UBND ngày 05/4/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B về giải quyết khiếu nại của Công ty TNHH Một thành viên M1 đối với Quyết định số 477/QĐ-XPVPHC ngày 18/02/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B là đúng; yêu cầu Công ty TNHH Một thành viên M1 thực hiện Quyết định số 477/QĐ-XPVPHC ngày 18/02/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khoáng sản.

III. Ý kiến của Bộ T6.

- Căn cứ vào khoản 1, khoản 5, khoản 7 Điều 2; khoản 2 Điều 4; khoản 2 Điều 64 của Luật Khoáng sản và Văn bản số 5338/STNMT-CCQLĐĐ ngày 04/1/2020, Văn bản số 21/STNMT-TNNKS&KTTV ngày 05/01/2020, Văn bản số 5527/STNMT-TNNKSKTTV ngày 17/12/2020 của Sở T9 thì thửa đất số 213, tờ bản đồ số 8, xã T là đất trồng cây hàng năm đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Công ty TNHH T7 và chưa được Ủy ban nhân dân tỉnh B cấp phép khai thác khoáng sản, vì vậy việc Công ty M1 sử dụng công nhân và phương tiện máy móc của mình để thực hiện hành vi khai thác khoáng sản tại thửa đất số 213, tờ bản đồ số 8, xã T nêu trên khi chưa được cơ quan có thẩm quyền cấp phép là vi phạm quy định về khai thác khoáng sản.

Việc lấy mẫu được thực hiện theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 11 Nghị định số 105/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Cảnh sát môi trường.

Việc lập Biên bản xử phạt vi phạm hành chính được thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 7 Pháp lệnh Cảnh sát môi trường; Điều 8, điểm a khoản 1 Điều 11 Nghị định số 105/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ và Điều 6, Điều 7 Thông tư số 80/2019/TT-BCA ngày 27 tháng 12 năm 2019 của Bộ C1 hướng dẫn thực hiện Điều 7, Điều 8 Nghị định số 105/2015/NĐCP của Chính phủ; Quyết định số 1421/QĐ-BCA.X11 ngày 10/5/2017 của Bộ C1 quy định về tổ chức Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp huyện; khoản 3 Điều 58 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012; khoản 1, khoản 2 Điều 6 Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 7 Điều 1 Nghị định số 97/2017/NĐCP của Chính phủ).

Quyết định số 477/QĐ-XPVPHC nêu trên đã thực hiện đúng về thẩm quyền và nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 5, Điều 64, Điều 66 Nghị định số 36/2020/NĐ-CP quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khoáng sản.

Quyết định số 477/QĐ-XPVPHC nêu trên không căn cứ vào Văn bản giải trình của Công ty M1 là chưa đảm bảo về mặt hình thức của Quyết định theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 68 của Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012; tuy nhiên, nội dung giải trình của Công ty M1 không làm thay đổi nội dung xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khoáng sản đối với Công ty M1.

Từ nội dung nêu trên, việc Bộ trưởng Bộ T6 ban hành Quyết định số 240/QĐ-BTNMT ngày 29/01/2024 giải quyết khiếu nại của Công ty TNHH Một thành viên M1 là đúng quy định của pháp luật.

Bộ trưởng Bộ T6 giữ nguyên Quyết định số 240/QĐ-BTNMT ngày 29/01/2024 giải quyết khiếu nại của Công ty TNHH Một thành viên M1, đề nghị Quý Tòa xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 543//2025/HC-ST ngày 09 tháng 9 năm

2025, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện Công ty TNHH MTV M1 đối với yêu cầu hủy các quyết định sau:

- Quyết định số 477/QĐ-XPVPHC ngày 18/02/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khoáng sản đối với Công ty TNHH Một thành viên M1.

- Quyết định số 821/QĐ-UBND ngày 05/04/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B về việc giải quyết khiếu nại đối với Quyết định số 477/QĐ-XPVPHC ngày 18/02/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (lần đầu).

- Quyết định số 240/QĐ-BTNMT ngày 29/01/2024 của Bộ trưởng Bộ T6 về việc giải quyết khiếu nại của Công ty TNHH MTV M1 (địa chỉ: Khu phố G phường U, thị xã T, tỉnh Bình Dương (lần 2).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 29/9/2025 người khởi kiện Công ty TNHH MTV M1 kháng cáo Bản án của Tòa án cấp sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người khởi kiện là Công ty TNHH MTV M1 (có ông Nguyễn Huy T đại diện theo ủy quyền) vẫn giữ kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện vì Quyết định xử phạt số 477/QĐ-XPVPHC ngày 18/02/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B căn cứ Quyết định kiểm tra số 168/QĐ-KTĐĐ ngày 02/12/2020 của Trưởng Công an huyện B nhưng quyết định này có đối tượng kiểm tra, địa điểm, thành phần, thời hạn, trình tự thủ tục và thẩm quyền kiểm tra không đúng quy định của pháp luật. Việc trưng cầu giám định do cơ quan điều tra thực hiện là không đúng thẩm quyền. Công ty chỉ vận chuyển đất chứ không khai thác khoáng sản, công ty mua đất trong giai đoạn dịch Covid-19 để bán nhưng chưa bán được nên vận chuyển đi nơi khác chứ không khai thác tại mỏ; khu vực bị kiểm tra cũng không phải mỏ khoáng sản theo quy định của pháp luật. Quyết định xử phạt cũng không căn cứ biên bản giải trình của công ty. Bộ T6 không ra thông báo thụ lý khiếu nại nhưng vẫn đưa ra giải quyết là không đúng trình tự, nội dung giải quyết cũng không đúng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện Bộ T6 là ông Trần Bá B phát biểu ý kiến đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng hành chính. Các đương sự thực hiện quyền, nghĩa vụ theo đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm xử có căn cứ, đúng pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ nào mới chứng minh nên đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tòa án đã triệu tập hợp lệ, những người bị kiện vắng mặt. Căn cứ Điều 225 Luật tố tụng hành chính năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự này.

[2] Tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án thể hiện quá trình kiểm tra và xử lý của Công an huyện B đối với Công ty M1 như sau:

Ngày 02/12/2020, Công an huyện B ban hành Quyết định số 168/QĐ-KTĐĐ ngày 02/12/2020 kiểm tra địa điểm có liên quan đến tội phạm, vi phạm hành chính về môi trường đối với công ty M1. Tổ kiểm tra đã công bố và giao Quyết định kiểm tra số 168/QĐ-KTĐĐ, ngày 02/12/2020 cho Công ty M1 (do ông Đỗ Hoài Phương M là người đại diện theo pháp luật của Công ty M3 nhận) và đại diện Ban Quản lý Công ty trách nhiệm hữu hạn T7 thuộc Cụm C, đồng thời tiến hành lập biên bản kiểm tra, làm việc với những người có liên quan nhưng ông Đỗ Hoài Phương M cùng nhân viên bỏ lại phương tiện và ra về.

Vào lúc 13 giờ 20 phút, ngày 02/12/2020, công an huyện B phối hợp với Phòng T8 – Công an tỉnh B, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T9, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T8, Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện B, Công an xã T và Ủy ban nhân dân xã T tiến hành kiểm tra, phát hiện ông Nguyễn Thành T5 (là nhân viên Công ty M1) đang điều khiển xe máy đào bánh xích, hiệu HITACHI, màu cam khai thác khoáng sản, đổ lên xe ô tô tải biển kiểm soát 61C-192.17 với khối lượng 10m³, do ông Kim T4 điều khiển, vận chuyển đổ san lấp mặt bằng tại Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên K (Công ty K) cách vị trí khai thác khoáng sản 500 mét. Trong quá trình kiểm tra, phát hiện xe ô tô tải biển kiểm soát 61C-151.56 và xe ô tô tải biển kiểm soát 61C-035.35 đang vận chuyển khoáng sản từ vị trí khai thác ra ngoài, cách vị trí khai thác khoáng sản 300 mét, trên xe ô tô tải biển kiểm soát 61C-035.35 đang vận chuyển 10m³ khoáng sản.

Vị trí khai thác được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện B đo đạc bằng máy GPS hiệu SQ-GNSS G996V6B-763916 (có sự chứng kiến của chính quyền địa phương) xác định khu vực khai thác thuộc thửa đất số 213, tờ bản đồ số 8, ấp X, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương. Diện tích khai thác là 1.388,7m³, độ sâu khu vực khai thác từ 01-03m (ghi nhận độ sâu đã khai thác là 01 mét). Tổng khối lượng khoáng sản đã khai thác là 1.388,7m³. Phòng Tài nguyên nước,

Khoáng sản và Khí tượng thủy văn thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T9 tiến hành thu mẫu khoáng sản để giám định, xác định loại khoáng sản: 01 mẫu trên thùng xe ô tô tải biển kiểm soát 61C-192.17 và 01 mẫu tại vị trí khai thác để phân tích thành phần, tên gọi của khoáng sản.

Ngày 03/12/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện B, tỉnh Bình Dương (cũ) ban hành Quyết định số 1461/QĐ-TCGD về việc trưng cầu giám định xác định loại khoáng sản của 02 mẫu được thu giữ tại hiện trường khai thác khoáng sản không phép Cụm C thuộc ấp X, xã T, huyện B.

Ngày 17/12/2020, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T9 ban hành Văn bản số 5527/STNMT-TNNKSKTTV về việc kết quả trưng cầu giám định xác định loại khoáng sản, thể hiện:

“4. Kết quả phân tích mẫu:

- Mẫu M1- Mẫu được lấy trên thùng xe ô tô tải ben có biển kiểm soát 61C-192.17 – Kết quả phân tích mẫu ngày 14/12/2020: Mẫu đạt tiêu chuẩn để sản xuất gạch nung theo TCVN 4353:1986.

- Mẫu M2 - Vị trí lấy mẫu: Mẫu được lấy tại vị trí khai thác – Kết quả phân tích mẫu ngày 14/12/2020: Mẫu đạt tiêu chuẩn để sản xuất gạch nung theo TCVN 4353:1986”.

Cùng ngày 31/12/2020, Hội đồng định giá tài sản Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương ban hành Bản kết luận định giá tài sản số 132/KLHD-ĐGTS, thể hiện: Tài sản định giá là Đất sét gạch số lượng 1.388,7m³ x đơn giá 140.000 đồng/m³ = 194.418.000 đồng và Bản kết luận định giá tài sản số 134/KLHD-ĐGTS, thể hiện: Tài sản định giá là xe máy đào bánh xích hiệu HITACHI, màu cam, số khung 145-48443, số máy 6BD1-700209, loại gàu: 0,7m³ (xe đã qua sử dụng) trị giá 327.000.000 đồng.

Ngày 05/01/2021, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T9 ban hành Văn bản số 21/STNMT-TNNKSKTTV về việc cung cấp thông tin cấp phép hoạt động khoáng sản, với nội dung: *Tính tới thời điểm hiện tại, Ủy ban nhân dân tỉnh B không cấp giấy phép khai thác khoáng sản cho tổ chức, cá nhân nào tại thửa đất số 213, tờ bản đồ số 08, thuộc ấp X, xã T, huyện B.*

Kết thúc kiểm tra, Tổ kiểm tra tham mưu Lãnh đạo Công an huyện B ban hành các Quyết định số 60, 61, 62/QĐ-TGTVPTGPCC ngày 02/12/2020 tạm giữ tang vật, phương tiện, giấy phép, chứng chỉ hành nghề theo thủ tục hành chính 02 (hai) xe ô tô tải hiệu Hyundai biển kiểm soát 61C-035.35; 61C-192.17 và 01 xe máy đào bánh xích hiệu HITACHI màu cam loại gàu 0,7, số khung 145-48443, số máy 6BD1-700209 và toàn bộ khoáng sản trên xe, kể từ ngày 02/12/2020 để xác minh các tình tiết làm căn cứ xử phạt.

Ngày 19/01/2021 Công an huyện B ban hành Kết luận kiểm tra số 01/KLKT, xác định Công ty M1 đã có hành vi *“Khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường không sử dụng vật liệu nổ công nghiệp mà không có*

giấy phép khai thác khoáng sản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền từ 50m³ trở lên” theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 47 Nghị định số 36/2020/NĐ-CP, ngày 24/3/2020 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước và khoáng sản.

Ngày 20/01/2021, Công an huyện B ra Quyết định số 60, 61/QĐ-TLTVPTGPCC trả lại tang vật, phương tiện, giấy phép, chứng chỉ hành nghề theo thủ tục hành chính 02 (hai) xe ô tô tải hiệu Hyundai biển kiểm soát 61C-035.35, 61C-192.17, cùng khoáng sản trên xe ô tô cho Công ty M1 vì không thuộc trường hợp tịch thu phương tiện và để Công ty M1 thực hiện việc cải tạo, phục hồi môi trường khu vực đã khai thác.

Do không đồng ý với Quyết định số 60, 61/QĐ-TGTVPTGPCC ngày 02/12/2020 tạm giữ tang vật, phương tiện, giấy phép, chứng chỉ hành nghề theo thủ tục hành chính, năm 2022 Công ty M1 đã khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 60, 61/QĐ-TGTVPTGPCC ngày 02/12/2020 và yêu cầu bồi thường thiệt hại. Tại Bản án số 13/2023/HC-ST ngày 29/3/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương (cũ) đã quyết định: Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty M1. Không đồng ý với bản án nêu trên Công ty M1 đã có đơn kháng cáo, tại Bản án số 796/2023/HC-PT ngày 11/9/2023 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định: Không chấp nhận kháng cáo của Công ty M1, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Căn cứ vào Kết luận kiểm tra số 01/KLKT ngày 19/01/2021, Công an huyện B lập Biên bản vi phạm hành chính số 02/BB-VPHC đối với Công ty M1 do ông Đỗ Hoài Phương M, chức vụ: Giám đốc đại diện, về hành vi: Khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường không sử dụng vật liệu nổ công nghiệp mà không có giấy phép khai thác khoáng sản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền tại thửa đất số 213, tờ bản đồ số 08, ấp X, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương...

Ngày 27/01/2021, Công ty M1 có Bản giải trình số 02/GTr-CTMTh gửi Công an huyện B.

Ngày 01/02/2021, Công an huyện B có Tờ trình số 22/TTr-CAH (KT) về việc xử phạt vi phạm hành chính đối với Công ty TNHH MTV M1.

Ngày 04/02/2021, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B có Tờ trình số 319/TTr-UBND gửi Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B về việc xử phạt vi phạm pháp luật trong lĩnh vực khoáng sản đối với Công ty TNHH MTV M1, địa chỉ: khu phố G, phường U, thị xã T, tỉnh Bình Dương.

Ngày 18/02/2021, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B ban hành Quyết định số 477/QĐ-XPVPHC quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khoáng sản đối với Công ty TNHH Một thành viên M1 do có hành vi khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường không sử dụng vật liệu nổ công nghiệp mà không có giấy phép khai thác khoáng sản của cơ quan nhà nước có

thẩm quyền là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[4] Do Quyết định số 477/QĐ-XPVPHC ngày 18/02/2021 là có căn cứ, nên Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B ban hành Quyết định 821/QĐ-UBND ngày 05/04/2022 (giải quyết khiếu nại lần 1), Bộ trưởng Bộ T6 ban hành Quyết định số 240/QĐ-BTNMT ngày 29/01/2024 (giải quyết khiếu nại lần 2) có nội dung bác khiếu nại của Công ty M1 là đúng quy định pháp luật.

[5] Người khởi kiện cho rằng, nội dung của Quyết định kiểm tra số 168/QĐ-KTĐĐ ngày 02/12/2020 của Công an huyện B thì công ty M1 không phải là đối tượng và địa điểm; các Biên bản kiểm tra, thu giữ mẫu vật để đi giám định, thu giữ phương tiện của Công an huyện B không có chữ ký của đại diện Công ty M1, nên không loại trừ trường hợp mẫu đưa đi giám định bị đánh tráo...

Xét thấy, mặc dù Quyết định kiểm tra số 168/QĐ-KTĐĐ ngày 02/12/2020 của Công an huyện B không ghi cụ thể địa điểm kiểm tra nhưng khi kiểm tra phát hiện các đối tượng là nhân viên Công ty M1 có hành vi khai thác khoáng sản tại khu vực, địa điểm tại thửa đất số 213, tờ bản đồ số 08, địa chỉ: thuộc ấp X, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương khi chưa có giấy phép của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền (khu vực kiểm tra theo quyết định kiểm tra số 168/QĐ-KTĐĐ ngày 02/12/2020 của công an huyện B). Ngày 02/12/2020, Công an huyện B kết hợp cùng cơ quan có thẩm quyền tiến hành lấy mẫu đất đi giám định có sự chứng kiến của chính quyền địa phương là đúng quy định pháp luật, nên nội dung trình bày của người khởi kiện không có cơ sở để chấp nhận.

[6] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy, Bản án của Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện có kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào mới để chứng minh nên bác kháng cáo và giữ nguyên bản án của Tòa án cấp sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa là có căn cứ chấp nhận.

[7] Các quyết định khác của bản án của Tòa án cấp sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[8] Án phí hành chính phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên người có kháng cáo phải chịu, theo quy định của pháp luật về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính,

Bác yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện Công ty TNHH MTV M1;

Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 543/2025/HC-ST ngày 09/9/2025 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện Công ty TNHH MTV M1 đối với yêu cầu hủy các quyết định sau:

- Quyết định số 477/QĐ-XPVPHC ngày 18/02/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khoáng sản đối với Công ty TNHH Một thành viên M1.

- Quyết định số 821/QĐ-UBND ngày 05/04/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B về việc giải quyết khiếu nại đối với Quyết định số 477/QĐ-XPVPHC ngày 18/02/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (lần đầu).

- Quyết định số 240/QĐ-BTNMT ngày 29/01/2024 của Bộ trưởng Bộ T6 về việc giải quyết khiếu nại của Công ty TNHH MTV M1 (địa chỉ: Khu phố G phường U, thị xã T, tỉnh Bình Dương (lần 2).

2. Các quyết định khác của bản án của Tòa án cấp sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Án phí hành chính phúc thẩm: Công ty TNHH MTV M1 phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0024372 ngày 08/10/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện CT&KSXXPT tại TP.HCM;
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- THADS Thành phố Hồ Chí Minh;
- Đương sự;
- Lưu VP (5), HS (2).15b.PPC.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Nhựt Bình